

TỰ CHỦ CỦA CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC CÔNG LẬP PHẢI GẮN LIỀN VỚI VIỆC NÂNG CAO TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

ThS. Hà Thị Thùy Dương¹

TÓM TẮT

Việc trao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay là một tất yếu. Tuy nhiên, để quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học thực sự góp phần nâng cao chất lượng đào tạo thì phải nâng cao trách nhiệm xã hội của các cơ sở này. Vì vậy, bài viết sẽ phân tích lí do tại sao phải thực hiện tự chủ cho các cơ sở giáo dục đại học, tại sao tự chủ phải gắn liền với trách nhiệm xã hội và giải pháp để gắn liền tự chủ với nâng cao trách nhiệm của các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: tự chủ, trách nhiệm xã hội, cơ sở giáo dục đại học công lập.

Trao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục đại học là một xu thế tất yếu và là yêu cầu cấp bách ở Việt Nam hiện nay. Tuy nhiên, việc trao quyền tự chủ một cách ồ ạt mà thiếu các cơ chế để đòi hỏi các cơ sở giáo dục đại học nâng cao trách nhiệm xã hội của mình thì có thể dẫn đến việc thiếu kiểm soát chất lượng giáo dục, đi chệch hướng mục tiêu giáo dục. Vì vậy, trao quyền tự chủ và nâng cao trách nhiệm của các cơ sở giáo dục đại học là hai mặt của một vấn đề, cần phải gắn liền với nhau. Bài viết này sẽ phân tích sự cần thiết và các giải pháp để gắn việc mở rộng quyền tự chủ với nâng cao trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục đại học công lập.

1. Trao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục đại học là yêu cầu cấp bách hiện nay

Tự chủ đại học là sự tự do cả một cơ sở đào tạo đại học trong việc điều hành các công việc của nó mà không có sự chỉ đạo hoặc tác động từ bất cứ cấp chính quyền nào [1]. Tự chủ của các cơ

sở đào tạo đại học thường được xác định ở 3 tiêu chí chính là tự chủ về mặt tổ chức và nhân sự; tự chủ về mặt tài chính và tự chủ về mặt học thuật. Tự chủ về mặt tổ chức và nhân sự nhấn mạnh khả năng các trường đại học có thể tự chủ trong việc thiết lập cơ cấu tổ chức, tuyển dụng, sử dụng, đánh giá và kỷ luật, thôi việc giảng viên, nhân sự của mình. Tự chủ về tài chính nhấn mạnh khả năng các trường đại học có thể chủ động trong việc công bố học phí, quyết định các mức thu dịch vụ, khả năng huy động vốn từ thị trường tài chính, khả năng đầu tư cho những sản phẩm tài chính, khả năng phát hành cổ phiếu, trái phiếu, khả năng làm chủ sở hữu đất đai nhà xưởng mà họ chiếm hữu hay không. Tự chủ về mặt học thuật xác định khả năng ra quyết định của các cơ sở giáo dục đại học về chiến lược phát triển, sứ mệnh, khả năng giới thiệu hoặc ngừng một chương trình đào tạo nào đó, khả năng quyết định về cấu trúc và nội dung của các chương trình đào tạo, khả năng quyết định về số lượng và điểm nhập học của các cơ sở

¹Học viện Chính trị Khu vực IV.

đào tạo. Trao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục đại học thực chất là quá trình phân quyền thực hiện việc cung ứng dịch vụ giáo dục từ việc các cơ sở đào tạo chủ động ít khâu trong quá trình đào tạo sang có quyền chủ động thực hiện nhiều khâu công việc hơn. Bản chất của cơ chế tự chủ là quá trình giảm thiểu sự can thiệp của nhà nước, gia tăng tính chủ động, sáng tạo của cơ sở đào tạo công lập với mục tiêu huy động tối đa nguồn lực. Việc thực hiện quyền tự chủ là quá trình phân quyền rất lớn của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo đối với các cơ sở đào tạo công lập. Nghĩa là quyền năng của các cơ sở đào tạo công lập được gia tăng gần như tối đa và mức độ can thiệp, điều tiết trực tiếp của cơ quan quản lý nhà nước gần như tối thiểu. Trao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục đại học công lập ở Việt Nam là một tất yếu khách quan, vì:

Thứ nhất, đây là xu thế chung của giáo dục đại học trên thế giới. Hầu hết các cơ sở đào tạo của các nước có nền học vấn phát triển thường có quyền tự chủ rất cao. Họ thường nhận được sự ủng hộ của Chính phủ thông qua đơn đặt hàng các đề tài nghiên cứu hoặc các khoản hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất. Các vấn đề còn lại khác với rất nhiều nội dung do nhà trường tự quyết định như xây dựng chiến lược phát triển dài hạn, tổ chức bộ máy, xây dựng các tiêu chuẩn và chỉ tiêu tuyển sinh, chương trình, giáo trình, tài liệu tham khảo, chuyên khảo, cơ sở dữ liệu nghiên cứu, chiến lược phát triển quốc tế, quy định

mức học phí, học bổng, quy chế khen thưởng, kỷ luật.

Thứ hai, trong điều kiện chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa sang phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhu cầu xã hội đối với đào tạo rất đa dạng, vì vậy việc phát triển chuyên môn và khả năng mở rộng quan hệ cần được trao cho các cơ sở đào tạo để họ có thể chủ động, tích cực điều tra, khảo sát thị trường để có thể đáp ứng tốt nhất nhu cầu của xã hội. Các cơ sở giáo dục đại học là tổ chức trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ của giáo dục đại học, họ là người hiểu rõ nhất những nhu cầu của xã hội về đào tạo đại học, điều kiện khả năng thực hiện của cơ sở mình vì vậy cần trao quyền tự chủ cho họ vì họ là người có thể đưa ra các quyết định chính xác nhất, phù hợp nhất. Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục chỉ nên chủ yếu thực hiện chức năng hoạch định chiến lược phát triển giáo dục – đào tạo, quản lý chương trình, chỉ tiêu tuyển sinh... và là khâu trung gian phân bổ ngân sách tiếp nhận từ nhà nước đến các cơ sở đào tạo.

2. Việc trao quyền tự chủ nêu thiếu cơ chế yêu cầu trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục đại học sẽ dễ phát sinh tiêu cực

Trách nhiệm xã hội chính là việc nhà trường tự đánh giá và giám sát việc thực hiện các quy định của nhà nước, sẵn sàng giải trình, công khai, minh bạch trước nhà nước, người học, người sử dụng sản phẩm giáo dục hay nói chung là trước xã hội các hoạt động của

nhà trường và chịu trách nhiệm về các kết quả hoạt động của mình. Trách nhiệm xã hội của các cơ sở đào tạo chính là trách nhiệm đảm bảo chất lượng đào tạo, chất lượng đầu ra và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thông tin minh bạch. Trước hết, các mặt sau đây của nhà trường phải thể hiện rõ: mục tiêu hoạt động, chế độ sở hữu, cơ chế hoạt động, nội dung, chất lượng sản phẩm, dịch vụ. Trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục đại học công lập không chỉ giới hạn ở chỗ chứng minh rằng công quỹ đã được chi tiêu một cách có trách nhiệm mà còn bao hàm cả việc chứng minh rằng đã đạt được các mục tiêu đã đặt ra của nhà trường một cách có hiệu quả nhất, nhà trường phải chứng minh được quan hệ giữa kết quả đầu ra và sử dụng nguồn lực là một quan hệ tỉ lệ thuận tối ưu.

Việc trao quyền tự chủ phải gắn với việc nâng cao trách nhiệm của các cơ sở đào tạo công lập mới có thể góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Nói cách khác, để tránh tình trạng các cơ sở đào tạo tự đặt ra các quy định vượt quá khả năng hay phạm vi cho phép, đảm bảo quyền tự chủ góp phần vào việc nâng cao chất lượng đào tạo thì phải có cơ chế nâng cao trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục đại học. Việc giao quyền tự chủ nếu không có cơ chế giám sát có thể dẫn tới việc trục lợi, chạy theo lợi nhuận mà bỏ quên chất lượng. Điều này là cực kì nguy hiểm vì sản phẩm giáo dục một khi đã hỏng thì không thể sửa chữa và cũng không thể vớt vát, di hại của nó hàng 3-4 thế kỷ. Nếu để cho các trường tự chủ về tuyển

sinh (số lượng, điểm chuẩn) mà thiếu sự kiểm soát chặt chẽ về khả năng thực hiện đào tạo của mình thì có thể dẫn tới việc đưa ra số lượng đào tạo vượt quá khả năng để tăng nguồn thu, từ đó ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng đào tạo. Đồng thời, để đạt số lượng, các trường có thể hạ thấp yêu cầu, ảnh hưởng đến chất lượng đầu vào của đào tạo. Nếu tự chủ mà thiếu việc nâng cao trách nhiệm xã hội về mặt chất lượng, các trường có thể tìm mọi cách để lấy học phí cao trong khi cắt giảm các khoản chi cho đào tạo để tăng lợi nhuận. Một số trường sẽ lợi dụng danh nghĩa liên kết quốc tế (chương trình, công nghệ, giảng viên) để thu phí cao trong khi chất lượng không tương xứng với học phí. Ví dụ họ có thể thuê một số giáo viên nổi tiếng làm “bình phong” ở một số ngành, khoa và dùng giảng viên không đủ năng lực nhằm đạt lợi nhuận cao. Điều này sẽ dẫn tới người học phải trả mức phí cao trong khi chất lượng dịch vụ mà họ được hưởng không tương xứng với nguồn lực mà họ đã bỏ ra. Khi các cơ sở đào tạo đại học được tự chủ trong tuyển dụng nhân sự mà thiếu kiểm soát họ có thể tuyển dụng những giảng viên không có năng lực nhưng có quan hệ, quen biết với những người có quyền. Được quyền tự chủ trong mở ngành, các trường có thể chỉ đào tạo ngành “hot”, ngành thu học phí cao mà bỏ những ngành xã hội cần nhân lực nhưng khó thu học phí cao, dẫn tới mất cân đối trong cơ cấu nguồn nhân lực đất nước so với yêu cầu của sự phát triển đất nước. Tóm lại, trao quyền tự chủ mà không gắn với trách nhiệm xã hội sẽ có

thể dẫn tới nhiều hệ quả tiêu cực về chất lượng đào tạo và đi chệch hướng mục tiêu đào tạo.

3. Một số giải pháp gắn việc trao quyền tự chủ với nâng cao trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục đại học

Để gắn việc mở rộng quyền tự chủ với nâng cao trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục đại học công lập cần chú ý thực hiện tốt các giải pháp sau đây

Mở rộng quyền tự chủ cho các cơ sở đào tạo đại học công lập phải gắn với việc thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục. Chúng ta cần sớm thành lập được các cơ quan kiểm định chất lượng đào tạo đại học với đội ngũ nhân lực có đủ trình độ. Đặc biệt, việc kiểm định chất lượng cần có các tiêu chí, phương pháp đo lường cụ thể, chính xác và công bằng. Mức độ giao quyền tự chủ phải phù hợp theo căn cứ kiểm định chất lượng đào tạo. Nghĩa là mức độ tự chủ của các cơ sở đào tạo đại học là không giống nhau. Chúng ta chỉ giao quyền tự chủ khi có đủ khả năng. Đồng thời, nâng cao chất lượng kiểm định, đảm bảo kết quả kiểm định là căn cứ căn bản, khách quan, chính xác để công nhận đăng cấp của một trường. Chỉ có như vậy mới buộc các cơ sở giáo dục đại học nâng cao trách nhiệm xã hội, thực hiện nâng cao chất lượng đào tạo nhằm thu hút được người học với học phí cao. Thực hiện kiểm định chất

lượng đào tạo đại học sẽ đảm bảo người học nhận được dịch vụ đào tạo tương xứng với nguồn lực tài chính bỏ ra.

Trường đại học cần công khai các cam kết (chuẩn đầu ra, cơ sở vật chất, tài chính) đối với người học và người sử dụng lao động để xã hội thực hiện việc giám sát việc thực hiện của các trường theo đúng cam kết đó.

Các trường đại học công lập thực hiện tự chủ cần xây dựng quy chế thực hiện các nội dung tự chủ một cách cụ thể với trách nhiệm đi kèm và khung pháp lý xử lý cụ thể. Điều này là cơ sở để đội ngũ giảng viên, cán bộ trong cơ quan thực hiện giám sát và các cơ quan quản lý nhà nước cấp trên thực hiện công tác giám sát, kiểm tra.

Xây dựng cơ chế kiểm soát và tự giám sát chặt chẽ các lĩnh vực tự chủ trong nội bộ các trường đại học công lập. Cần phát huy vai trò của hội đồng trường, đội ngũ giảng viên, cán bộ, viên chức của trường giám sát việc thực hiện quyền tự chủ. Bởi lẽ, khi trao quyền tự chủ cho các trường đại học công lập, quyền của hiệu trưởng, của ban lãnh đạo là rất lớn cần có cơ chế giám sát đảm bảo không dẫn tới việc lạm quyền vì mục đích cá nhân.

Tự chủ đại học cần gắn liền với việc kiểm toán độc lập như các tổ chức kinh tế khác nhằm minh bạch hóa hệ thống tài chính.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aderson.D. and Johnson, 1998, *University Autonomy in Twenty Countries*. Commonwealth of Australia.

**THE ATTACHMENT OF THE AUTONOMY OF THE PUBLIC
EDUCATIONAL SCHOOL WITH THE SOCIAL RESPONSIBILITY*****ABSTRACT***

The autonomy for institutions of higher education in Vietnam is now a necessity. However, autonomy of the higher education establishments actually contributes to improving the quality of training When they must enhance social responsibility. Therefore, this article will analyze why have autonomy for institutions of higher education, why autonomy must be associated with social responsibility and associated solutions for enhanced autonomy linked with social responsibility of higher education establishments in Vietnam today.

Keywords: *autonomy, social responsibility, educational establishments public universities.*